

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2018

“V/V ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06-4-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân D - sinh năm 1953.

ĐKKHKT: Thôn M, xã N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H – sinh năm 1954.

ĐKKHKT: Thôn M, xã N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Ông D, bà H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Bùi Xuân D trình bày: Ông và bà Đỗ Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/02/1980. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, bà H thường nói xấu ông và không có quan điểm đúng đắn trong việc giáo dục con, đối xử không đúng mực với cha mẹ. Vì luôn phải sống trong tình trạng căng thẳng, bất hòa cho nên ông đã đi làm xa ít khi về nhà, mỗi khi gia đình có việc, ông về thăm nhà nhưng vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm đến nhau, ông đi đâu làm gì bà H cũng không quan tâm. Đầu năm 2017 ông đã làm đơn xin ly hôn bà H gửi Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết,

được gia đình và Tòa án hòa giải, ông đã rút đơn ly hôn, Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng cũng không thể hòa thuận để chung sống. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cách nào có thể hàn gắn, đoàn tụ được, vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bà Đỗ Thị H trình bày: Bà xác định việc ông D trình bày về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hoà thuận đến năm 2005, sau khi ông D chữa bệnh xong, ông D mở công ty làm ăn riêng và đi biệt, ông D thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi khi gia đình có việc thì ông D mới về thăm nhà. Tuy vợ chồng không to tiếng và xúc phạm nhau bằng hành động, nhưng hai bên sống với nhau không có tình cảm, ông D đã có người phụ nữ khác và có con riêng, không có trách nhiệm với gia đình và còn tỏ thái độ không cần bà. Do tuổi đã cao nên bà chấp nhận chịu đựng, mặc ông D muốn làm gì thì làm. Bà cũng xác định không còn tình cảm gì với ông D, tuy nhiên đến nay ông bà tuổi cũng đã cao, ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh dự của các con, các cháu sau này vì vậy bà không nhất trí ly hôn ông D.

- Về con chung: Ông D, bà H đều xác định; Vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H, sinh năm 1980; Bùi Thị T, sinh năm 1982; Bùi Văn H, sinh năm 1985 và Bùi Thị H1, sinh năm 1987. Các con chung đều đã trưởng thành, nên Tòa án không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông D, bà H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu xác minh tại địa phương xác định: Ông D và bà H có mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng nhau, trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông D thường vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Có dư luận cho rằng ông D có quan hệ với người khác, vì việc này làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Địa phương cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành, qua nắm bắt tâm tư của hai bên thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, bà H không nhất trí ly hôn vì vợ chồng tuổi đã cao, cố giữ danh dự cho gia đình chứ thực tế vợ chồng đã từ lâu không quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông D vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày nêu trên.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho ông Bùi Xuân D được ly hôn bà Đỗ Thị H.
- Về con chung: Các con chung của ông D, bà H đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: ông D, bà H đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Ông Bùi Xuân D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân D và bà Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/1980 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông D bà H chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặc dù bà H không đồng ý ly hôn, vì danh dự các con, các cháu, tuy nhiên chính bà H cũng thừa nhận sau khi ông D chữa khỏi bệnh đi lại được bắt đầu từ năm 2005 đã đi biệt lập, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến gia đình vợ con, kinh tế độc lập, từ lâu bà cũng không còn tình cảm gì với ông D. Tòa án đã làm việc với chính quyền địa phương, trưởng thôn M nơi gia đình ông D, bà H sinh sống xác định từ lâu ông D thường xuyên vắng nhà và không còn quan tâm đến bà H, bên cạnh đó bà H khẳng định ông D đã có người phụ nữ khác và có con riêng (bà không yêu cầu xử lý ông D về việc này), vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, địa phương đã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, ông D vẫn cương quyết ly hôn bà H. Tòa án đã tiến hành hoà giải theo nguyện vọng của bà H để vợ chồng đoàn tụ nhưng đều không có kết quả, ông D vẫn cương quyết xin ly hôn. Thực tế từ khi ông D rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án cho đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân, bà H cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Cuộc sống vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Tình trạng hôn nhân giữa ông D bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông D được ly hôn với bà H để hai bên ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Ông D, bà H đều xác định vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H, sinh năm 1980; Bùi Thị T, sinh năm 1982; Bùi Văn H, sinh năm 1985 và Bùi Thị H1, sinh năm 1987. Cả 04 con của ông bà đã trưởng thành nên Toà án không phải giải quyết.

[3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Ông D, bà H đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 BLTTDS. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Bùi Xuân D được ly hôn bà Đỗ Thị H.
2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Toà án không giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà H đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.
4. Về án phí: Ông Bùi Xuân D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả ông Bùi Xuân D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004051 ngày 11-12-2017.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân